TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28 /2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 30/8/2018.
Về việc tranh chấp: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Lương Vân.**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà *Trần Thị Đông*
2. Bà *Nguyễn Thị Mai*
- Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Duy Khoa**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh *tham gia phiên toà:*
Bà *Đỗ Lê Thanh* -Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 08 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh xét xử sơ thẩm công khaivụ án thụ lý số:193/2018/TLST-HNGĐngày 05/4/2018về tranh chấp: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:20/2018/QĐXX-ST ngày 23 tháng 07năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐ- HPT ngày 10/08/2018 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Vương Thị H**, sinh năm 1982;
Hộ khẩu thường trú: Tổ 38, thị trấn ĐA, ĐA, Hà Nội;
Chỗ ở hiện nay: thôn ĐĐ, ĐM, ĐA, Hà Nội.
Có mặt tại phiên tòa

2. **Bị đơn:** Anh **Trần Thành T**, sinh năm 1983;
Trú tại: Số 18B1, Tổ 38, thị trấn ĐA,ĐA, Hà Nội.
Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2018 và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Vương Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Thành T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh ngày

24/12/2004. Sau khi cưới, chị về chung sống cùng anh T tại Tổ 38, thị trấn ĐA, ĐA, Hà Nội trên đất của gia đình anh T có từ trước. Sau đó, vợ chồng anh được bố mẹ anh T cho ra ở riêng và làm kinh tế riêng.

Vợ chồng chung sống hòa thuận được hai năm, đến cuối năm 2006, thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T ham chơi bời, không có trách nhiệm đối với gia đình và chị cùng gia đình đã khuyên can anh T không chơi bời nữa mà tu chí làm ăn để nuôi con nhưng anh T không nghe; từ đó vợ chồng chị xảy ra việc đánh cãi chửi nhau. Do vợ chồng mâu thuẫn nhiều lần nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị tại thôn ĐĐ, ĐM, ĐA, Hà Nội để ở từ đầu năm 2013. Trong thời gian chị ở nhà bố mẹ đẻ chị, hai bên gia đình đã khuyên giải để vợ chồng chị về đoàn tụ nhưng chị không đồng ý, vì chị xác định anh T không cải thiện được cuộc sống cho chị và các con chung. Chính vì vậy, chị đã ở nhà bố mẹ đẻ chị một thời gian dài, mong anh T thay đổi cách sống nhưng anh T vẫn không thay đổi. Đến tháng 3 năm 2017, chị đã làm đơn xin ly hôn để xin ly hôn anh T. Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, được Tòa án hòa giải, anh T đã xin chị cho anh cơ hội để sửa chữa, để gia đình đoàn tụ. Vì vậy, chị đã rút yêu cầu khởi kiện ly hôn đối với anh T. Ngày 12/7/2017, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 62/2017/QĐST-HNGĐ. Sau khi Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án, vợ chồng chị về sống ở nhà bố mẹ đẻ chị tại thôn ĐĐ, ĐM, ĐA, Hà Nội. Đến tháng 01 năm 2018, vợ chồng chị lại xảy ra mâu thuẫn, anh T tiếp tục đánh và chửi chị tại nhà bố mẹ đẻ chị; đồng thời, anh T đã bỏ về nhà ở Tổ 38, thị trấn ĐA, ĐA, Hà Nội để ở và anh chị đã ly thân từ tháng 01 năm 2018 đến nay.

Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm nên chị không nhờ chính quyền địa phương hòa giải.

Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc và mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được nên chị xin ly hôn anh T để hai bên sớm ổn định cuộc sống mới.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 cong chung là: Trần Lê Dương Nhật A, sinh ngày 22/9/2006 và Trần Ngọc Như M, sinh ngày 18/6/2011. Hiện các con chung đang ở cùng chị và sức khỏe bình thường. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung, các con chung cũng có nguyện vọng được ở với chị. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh T hiện nay không có công việc và thu nhập ổn định. Chị đang làm nghề kinh doanh tự do, thu nhập bình quân 8.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, công sức, nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn:** Anh **Trung Thành T** trình bày tại bản tự khai ngày 13/6/2018 nộp cho Tòa án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đông Anh ngày 24/12/2004. Sau khi cưới, anh chị về chung sống cùng nhau, lúc đầu ở tại nhà anh ở Tổ 38, thị trấn ĐA, ĐA, Hà Nội; sau đó, về xã ĐM ở một thời gian. Nay, chị H xin hôn anh, anh chỉ đồng ý khi chị H và gia đình chị khuyên chị H phải thắp hương và thề sẽ bỏ không cho vãy lãi, cầm cố để lấy tiền nuôi con, phải đi làm hẳn hoi, không cho vay lãi cắt cổ nữa. Anh xác định vợ chồng anh vẫn còn tình cảm, anh không muốn ly hôn.

- Về con chung: Anh T cũng thống nhất xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Lê Dương Nhật A và Trần Ngọc Như M. Anh không đồng ý ly hôn nên anh không đặt ra vấn đề nuôi con sau ly hôn.

- Về tài sản chung, công sức, nợ: Không có gì.

Sau đó tòa án đã nhiều lần gửi giấy báo và thông báo hòa giải cho anh T đến tòa án để giải quyết vụ án nh- ng anh T đều vắng mặt không có lý do nên tòa án không ghi đ- ợc lời khai và cũng không hòa giải đ- ợc.

Toà án đã niêm yết Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXX-ST Ngày 23/7/2018 nh- ng anh T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã phải hoãn phiên toà. Tòa án tiến hành niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐ - HPT Ngày 10/8/2018.

* Tại phiên tòa, chị Vương Thị H vẫn giữ nguyên các ý kiến của mình về yêu cầu ly hôn đối với anh T. Về con chung chị vẫn giữ nguyên đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Về tài sản chung, công sức, nợ: chị vẫn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm tố tụng. Đối với nguyên đơn, cơ bản đã chấp hành đầy đủ theo Giấy triệu tập của Tòa án, có ý thức chấp hành pháp luật nên không phải nhắc nhở gì. Bị đơn đã không chấp hành theo Giấy triệu tập của Tòa án, gây cản trở hoạt động tố tụng của Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn hôn của chị Vương Thị H và anh Trần Thành T, vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục được.

- Về con chung: Xác định chị H và anh T có 02 cong chung là: Trần Lê Dương Nhật A, sinh ngày 22/6/2006 và Trần Ngọc Như M, sinh ngày 18/6/2011.

Đề nghị giao cả 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm hoãn việc đóng góp nuôi con đối với anh T đến khi có sự thay đổi khác.

- Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

Về án phí không có giá ngạch, chị H phải chịu cả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]**Về thủ tục:** Chị Vương Thị H làm đơn xin ly hôn với anh Trần Thành T có hộ khẩu th- ờng trú và hiện ở tại số Số 18B1, Tổ 38, thị trấn ĐA ,ĐA, Hà Nội. Căn cứ điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Huyện Đông Anh thụ lý, giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị H là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn là anh Trần Thành T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa ngày 10/08/2018 nhưng anh T vắng mặt không có lý do, phiên tòa đã phải hoãn. Tòa án tiếp tục tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho anh T, nhưng đến phiên tòa hôm nay, anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Bản thân anh T không có yêu cầu phản tố trong vụ án này nên Tòa tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]**Về quan hệ hôn nhân**: Chị Vương Thị H và anh Trần Thành T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 24/12/2004 tại UBND thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội. Hai anh chị đều thừa nhận, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị H xác định, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến tháng cuối năm 2006, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T ham chơi bời, không có trách nhiệm đối với gia đình và chị cùng gia đình đã khuyên can anh T nhiều lần nhưng anh T không thay đổi và vợ chồng thường xuyên đánh, cãi chửi nhau. Tháng 3 năm 2017, chị đã làm đơn xin ly hôn nhưng sau khi được Tòa án hòa giải, chị đã rút yêu cầu khởi kiện ly hôn để vợ chồng đoàn tụ nhưng sau đó vợ chồng về chung sống với nhau và tiếp tục lại phát sinh mâu thuẫn do anh T mải chơi, không quan tâm đến gia đình. Anh chị đã ly thân từ tháng 01 năm 2018 đến nay. Chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng hơn, không còn khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Ngược lại, anh T xác định anh vẫn còn tình cảm và không muốn ly hôn.

Về vấn đề mâu thuẫn của anh chị, Tòa án đã tiến hành xác minh ý kiến đại diện gia đình chị H là bà Phạm Thị T (mẹ chị H) xác định: Trong cuộc sống chung vợ chồng, anh chị thường xuyên đánh cãi chửi nhau, mỗi lần anh chị đánh cãi chửi nhau thì chị H đề về kể cho bà nghe. Nhiều lần anh chị còn cãi nhau tại nhà bà có bà chứng kiến. Nguyên nhân anh chị đánh cãi chửi nhau là do anh T không chịu khó làm ăn, ham chơi đánh bạc ảnh hưởng đến kinh tế gia đình nên hai anh chị cãi nhau. Do anh chị có mâu thuẫn nên chị H đã về nhà bà tại thôn ĐĐ, xã ĐM để ở từ năm 2014. Sau khi được hai gia đình khuyên bảo, anh T đã về nhà bà để ở cùng chị H. Nhưng trong thời gian anh chị chung sống cùng nhau tại nhà bà, thì anh T vẫn không chịu khó làm ăn mà thường mải chơi, từ đó vợ chồng tiếp tục cãi nhau. Đến cuối năm 2017, anh chị tiếp tục mâu thuẫn, do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên anh T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở tại Tổ 38, thị trấn ĐA. Bà đã trực tiếp gặp gỡ mẹ đẻ anh T để tìm cách khuyên bảo và hòa giải giúp anh chị đoàn tụ nhưng đều không có kết quả. Anh chị đã trưởng thành, tự anh chị quyết định về cuộc sống của mình.

Ngày 12/7/2017, Tòa án cùng đại diện của chính quyền địa phương đến gặp bà Nguyễn Thị M1 (mẹ đẻ anh T) tại Tổ 38, thị trấn ĐA, ĐA, Hà Nội để ghi ý kiến của bà M1 nhằm xác minh, làm rõ các tranh chấp có trong vụ án và mâu thuẫn của chị H và anh T. Nhưng bà M đã không làm việc với Tòa án, vì bà cho rằng bà không liên quan gì nên không làm việc, không cung cấp thông tìn cho Tòa án. Chính vì vậy, Tòa án không thể ghi được ý kiến của đại diện gia đình anh T về mâu thuẫn của vợ chồng anh T.

Đại diện chính quyền địa phương cung cấp ý kiến về mâu thuẫn của anh chị: Anh chị thỉnh thoảng có xảy ra cãi nhau to tiếng, lần gần đây nhất là đầu năm 2017, anh T đánh chị H, lực lượng an ninh của Tổ dân phố đã phải đến can thiệp; qua tìm hiểu

được biết, do anh T lấy trộm tiền của chị H đi chơi và chị H nói anh T, từ đó anh T đã đánh chị H. Chính quyền địa phương thấy anh chị hay cãi nhau to tiếng, rồi chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở. Chính thức chị H đã về nhà bố mẹ đẻ để ở từ đầu năm 2017 đến nay.

Hội đồng xét xử nhận thấy, việc anh T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H, nhằm mục đích gây khó khăn cho chị H và quá trình tố tụng tại Tòa án. Điều đó được thể hiện trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T đã không đến làm việc theo Giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp lời khai cho tòa án, không tham gia các phiên hòa giải do Tòa án tổ chức. Đại diện gia đình anh T cũng không hợp tác khi Tòa án đến ghi ý kiến xác minh về mâu thuẫn của vợ chồng anh chị. Điều đó thể hiện anh T và đại diện gia đình không thiện chí muốn vợ chồng đoàn tụ. Mâu thuẫn của chị H và anh T là căng thẳng, trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, Vậy nên căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T là có căn cứ để ổn định cuộc sống riêng và ổn định trật tự tại địa phương nói chung.

[3] Về con chung: Anh chị thống nhất có 02 con chung là: Trần Lê Dương Nhật A, sinh ngày 22/6/2006 và Trần Ngọc Như M, sinh ngày 18/6/2011.

Việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng khi vợ chồng ly hôn, cần phải xem xét toàn diện đến sự phát triển mọi mặt của con chung và nguyện vọng của các con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về điệu kiện nuôi dưỡng con chung của chị H: Chị H hiện đang làm nghề kinh doanh tự do, thu nhập nhập bình quân 8.000.000 đồng/tháng. Đại diện gia đình của chị H cũng có ý kiến sẽ hỗ trợ mẹ con chị H về chỗ ở và việc chăm sóc con chung của anh chị trong thời gian chị H đi làm.

Về điều kiện nuôi dưỡng con chung của anh T: Anh T không cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh về thu nhập của mình. Theo xác minh tại địa phương nơi anh T đang sinh sống, chính quyền địa phương cho biết anh T không có công việc ổn định, hàng ngày ở nhà không đi làm gì.

Về nguyện vọng của các con chung của anh chị: Các con chung của anh chị đã đủ 07 tuổi và đều có nguyện vọng xin ở với mẹ là Vương Thị H, khi chị H và anh T ly hôn.

Để đảm bảo quyền lợi cho các con chung của anh chị và sự ổn định về nơi ở của các con chung, giao 02 con chung của anh chị cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng khi anh chị ly hôn là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T.

[5]Về tài sản chung, nhà ở,công nợ: Do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không phải giải quyết về vấn đề này.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu cả để sung công quỹ nhà nước.

[7]Về quyền kháng cáo: Chị Vương Thị H và anh Trần Thành T đều có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8]Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tại phiên tòa: Cơ bản phù hợp với quy định của pháp luật và kết quả nghị án của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ:

- Các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28,Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40,Điều 70, điều 72, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 4 điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;
- Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Xử:

- Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Vương Thị H. Chị Vương Thị H được ly hôn anh Trần Thành T.

- **Về con chung**: Chị H và anh T có 02 con chung là: Trần Lê Dương Nhật A, sinh ngày 22/6/2006 và Trần Ngọc Như M, sinh ngày 18/6/2011. Sau ly hôn, giao 02 con chung Trần Lê Dương Nhật A và Trần Ngọc Như M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T đến khi các con chung của anh chị đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác của Tòa án.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung, nhà ở, công nợ**: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- **Về án phí LHST**: 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Vương Thị H phải chịu cả để sung công quỹ nhà nước và được đối trừ vào số tiền 300.000đồng chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/ 0001230 ngày 07 tháng 3 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm có mặt chị H, vắng mặt anh T.

Chị Vương Thị H đ- ợc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Trần Thành T đ- ợc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án đ- ợc niêm yết.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- VKSND H. Đông Anh;
- TAND TP. Hà Nội;
- Chi cục THS DS huyện Đông Anh;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Đông Anh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Lương Vân